TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ Số: 46/2022/QĐCNTTLH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc** *T, ngày 04 tháng 5 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều: 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các điều: 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Minh T1.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 4 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986;

Người bị kiện: **Anh Phùng Minh T1**, sinh năm 1983;

Đều ở địa chỉ: khu Lương Sơn, xã Vinh Tiền, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 4 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (ngày 30/4, 01/5, 02/5, 03/5 là ngày nghỉ lễ).

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 4 năm 2022, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Minh T1.

- *Về con chung:* Chị H và anh T1 có 02 con chung là cháu Phùng Thanh T, sinh ngày 06/8/2009 và cháu Phùng Bảo L, sinh ngày 29/5/2012. Khi ly hôn, chị H và anh T1 thống nhất, thỏa thuận anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai

con chung đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị H và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

- *Các vấn đề khác*: Không.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *VKSND huyện T;*
- *THADS huyện T;*
- *UBND xã V, huyện T;*
- *Lưu TA.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai